

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/DS-ST
Ngày: 22/6/2026
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Lê Văn Thuyên.

2. Ông Dương Thế Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Lê Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2026/TLST – DS ngày 27/3/2026; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2026/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 42/2026/QĐST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Số E, đường số E, Thôn V, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Duy H1, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị C, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Vũ Thị H trình bày:

Do quen biết nhau nên ngày 11/01/2025, anh Phạm Duy H1 có vay của chị Vũ Thị H số tiền 50.000.000 đồng, hẹn trong vòng 1 tháng sau sẽ thanh toán. Đến ngày 18/01/2025, anh H1 đề nghị chị H cho vay thêm 20.000.000 đồng nhưng chị H không đủ tiền nên chỉ có 10.000.000 đồng cho anh H1 vay; sau khi thống nhất, anh H1 viết “Biên

nhận” thể hiện nội dung có vay của chị H tổng số tiền là 60.000.000 đồng và có thể chấp chiếc xe ô tô biển số 86A-061.87 cho chị H, tuy nhiên chị H chỉ giữ biên nhận vay tiền chứ không nhận giữ xe ô tô vì xe không phải chính chủ của anh H1. Sau khi vay tiền, nhiều lần chị H yêu cầu anh H1 thanh toán nhưng anh H1 mới chỉ chuyển khoản trả được cho chị H 5.000.000 đồng, còn lại 55.000.000 đồng anh H1 hứa hẹn chứ không thực hiện nghĩa vụ trả cho chị H. Số tiền đã cho anh H1 vay là tài sản riêng của chị H vì chị H đã ly hôn vào tháng 9/2020; việc vay tiền thì chỉ có anh H1 xác lập giao dịch với chị H, không liên quan đến nghĩa vụ của chị Trần Thị C. Do đó chị H yêu cầu Tòa án buộc anh H1 phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền còn thiếu là 55.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[2]. Theo lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên Tòa, bị đơn - anh Phạm Duy H1 trình bày:

Anh Phạm Duy H1 với chị Vũ Thị H là bạn bè, quen biết với nhau từ khoảng giữa năm 2024. Ngày 11/01/2025, chị H có cho anh Nguyễn Thành C1 (không rõ năm sinh và địa chỉ cụ thể) vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 15%/tháng. Do anh C1 đang làm ở xa nên trao đổi qua điện thoại, chị H thống nhất chuyển số tiền anh C1 vay vào tài khoản của anh H1 để anh H1 chuyển qua cho anh C1. Ngày 12/01/2025, chị H đã chuyển vào tài khoản anh H1 50.000.000 đồng. Khi chuyển tiền lại cho anh C1 thì anh H1 hỏi mượn lại anh C1 20.000.000 đồng, anh C1 đồng ý. Do đó anh H1 chỉ chuyển lại cho anh C1 30.000.000 đồng, còn anh H1 giữ lại 20.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 18/01/2025, anh Phạm Duy H1 hỏi vay thêm chị Vũ Thị H 10.000.000 đồng và thế chấp cho chị H chiếc xe ô tô. Chị H yêu cầu anh H1 viết giấy biên nhận cho số tiền 50.000.000 đồng đã chuyển ngày 12/01/2025 và cộng thêm 10.000.000 đồng hỏi vay thêm thì anh H1 đồng ý viết. Tuy nhiên, sau khi anh H1 viết giấy biên nhận xong thì chị H không cho anh H1 vay thêm 10.000.000 đồng như đã hứa. Như vậy, trong tổng số tiền 50.000.000 đồng chị H đã chuyển cho anh H1 vào ngày 12/01/2025 thì có 30.000.000 đồng anh Nguyễn Thành C1 đã nhận, số tiền này anh C1 có trách nhiệm trả cho chị H; còn lại số tiền 20.000.000 đồng anh H1 giữ lại thì anh H1 đã có chuyển trả cho chị H được 5.000.000 đồng vào ngày 27/01/2025 nên anh H1 chỉ có trách nhiệm trả cho chị H 15.000.000 đồng.

[3]. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – chị Trần Thị C trình bày:

Chị Trần Thị C là vợ anh Phạm Duy H1. Chị C xác nhận chữ ký và chữ viết trong giấy biên nhận ngày 18/01/2025 là chữ của anh H1; tuy nhiên việc anh H1 vay mượn tiền của chị H thì chị C không biết, cũng không sử dụng số tiền anh H1 đã vay nên số nợ trên là nợ riêng của anh H1, không liên quan đến nghĩa vụ của chị C. Trong vụ án chị C không có yêu cầu độc lập.

[4] Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, giao nộp cho Tòa án: Bản sao căn cước công dân, bản gốc biên nhận vay tiền, vận đơn bưu điện, bản tự khai, quyết định công nhận thuận tình ly hôn và Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Tài liệu, chứng cứ mà bị đơn cung cấp, giao nộp cho Tòa án: Bản sao CCCD.
- Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản ghi lời khai của anh Phạm Duy H1 và chị Trần Thị C.

[5]. Những vấn đề các đương sự thống nhất: Không có.

[6]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Các bên đương sự không thống nhất được với nhau về số tiền và nghĩa vụ thực hiện trả tiền vay.

[7]. Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

[7.1] Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự về việc giải quyết vụ án. Gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ và các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[7.2] Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

[7.3] Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7.4] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Phạm Duy H1 phải có nghĩa vụ trả cho chị Vũ Thị H 55.000.000 đồng và buộc anh H1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – chị Trần Thị C vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Các đương sự và đại diện Viện kiểm sát đều không yêu cầu hoãn phiên Tòa. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị C là phù hợp với quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ phát sinh từ giao dịch vay tài sản; ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015; Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

[2.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Tại phiên Tòa, nguyên đơn – chị Vũ Thị H vẫn giữ yêu cầu Tòa án buộc anh Phạm Duy H1 phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền 55.000.000 đồng. Bởi vì ngày 11/01/2025, anh H1 vay của chị Vũ Thị H số tiền 50.000.000 đồng, đến ngày 18/01/2025, anh H1 vay thêm 10.000.000 đồng và viết “Biên nhận” thể hiện nội dung có vay của chị H tổng số tiền là 60.000.000 đồng. Sau khi vay tiền, anh H1 mới chỉ chuyển khoản trả được cho chị H 5.000.000 đồng, còn lại 55.000.000 đồng chưa trả. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, chị H cung cấp Biên nhận vay tiền do anh H1 lập ngày 18/01/2025.

[3.2] Anh Phạm Duy H1 công nhận Biên nhận vay tiền ngày 18/01/2025 là do anh H1 tự nguyện lập, chữ viết và chữ ký trong biên nhận là của anh H1 nhưng trong tổng số 60.000.000 đồng thể hiện trong biên nhận thì thực tế, chị H chỉ có chuyển khoản cho anh H1 50.000.000 đồng vào ngày 12/01/2025, còn 10.000.000 đồng vay thêm ngày 18/01/2025 thì chị H chỉ hứa chứ chưa giao tiền cho anh H1. Ngoài ra, trong 50.000.000 đồng anh H1 đã nhận qua chuyển khoản từ chị H thì anh H1 chỉ sử dụng 20.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng là chị H cho anh Nguyễn Thành C1 vay; trong 20.000.000 đồng đã vay thì anh H1 có trả cho chị H 5.000.000 đồng như chị H đã công nhận, còn lại anh H1 chỉ có nghĩa vụ trả lại cho chị H 15.000.000 đồng chứ không phải 55.000.000 đồng như yêu cầu của chị H. Theo lời trình bày của anh H1, Tòa án đã cho thời hạn để anh H1 cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh nhưng anh H1 vẫn không cung cấp được; tại phiên Tòa anh H1 cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh lời trình bày của mình là có căn cứ.

[3.3] Quá trình tố tụng cũng như tại phiên Tòa, chị Vũ Thị H, anh Phạm Duy H1 và chị Trần Thị C đều xác định số tiền anh H1 đã vay của chị H được anh H1 sử dụng tiêu xài cho cá nhân, là nợ riêng của anh H1 chứ không liên quan đến nghĩa vụ của chị C. Chị H cũng chỉ yêu cầu cá nhân anh H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ và anh H1 cũng thống nhất.

[3.4] Như vậy, từ những phân tích như trên Hội đồng xét xử nhận thấy việc chị Vũ Thị H khởi kiện, yêu cầu anh Phạm Duy H1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị H số tiền 55.000.000 đồng còn thiếu là có căn cứ, được chấp nhận. Theo đó buộc anh H1 phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền là 55.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều

463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Chị H không yêu cầu anh H1 trả lãi phát sinh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về các vấn đề khác:* Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Duy H1 không có yêu cầu phản tố đối với chị Vũ Thị H; chị Trần Thị C không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H được chấp nhận nên cần buộc anh Phạm Duy H1 phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

[6] *Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng:* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Phạm Duy H1 phải có nghĩa vụ trả cho chị Vũ Thị H 55.000.000 đồng và buộc anh H1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân là có căn cứ và phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

1. Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 203, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
2. Các Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
3. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Vũ Thị H. Buộc anh Phạm Duy H1 phải có nghĩa vụ trả cho chị Vũ Thị H số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Buộc anh Phạm Duy H1 phải nộp 2.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H2 lại cho cho chị Vũ Thị H 1.357.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005048, ngày 27/3/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/6/2026).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND KV 16 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Cơ quan THADS;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ